TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 6 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng

2. Ông Trần Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn**:*** Chị Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1999 – có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn**:*** Anh Mai Tấn Đ, sinh năm 1998 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị T1 và anh Đ cưới nhau vào năm 2019, hôn nhân do mai mối, chị T1 và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã xã H, huyện T, tỉnh V. Thời gian vợ chồng hạnh phúc khoảng 02 năm đến năm 2021 thì phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng, chị T1 trình bày là do anh Đ ăn chơi, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị T1 khi chị T1 sinh cháu Đ và còn dùng những lời nói xúc phạm chị T1. Chị T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị T1 và anh Đ có một người con chung tên là Mai Ngô Phú Q, sinh ngày 07/3/2021. Khi ly hôn chị T1 yêu cầu nuôi cháu Mai Ngô Phú Q, chị T1 yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi cháu Quý đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn là anh Mai Tấn Đ: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Đ, nhưng anh Đ không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 09/5/2022.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về hôn nhân: Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Ngô Thị Thu T1 với anh Mai Tấn Đ được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh cấp ngày 15/7/2019 thì chị T1 và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V cấp ngày 16/3/2021 thì cháu Mai Ngô Phú Q là con chung của chị Ngô Thị Thu T1 và anh Mai Tấn Đ.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Thu T1 yêu cầu ly hôn với anh Mai Tấn Đ là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Đ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

Ngày 23/5/2022 chị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Thu T1 với anh Mai Tấn Đ là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân phát sinh vi phạm tình nghĩa vợ chồng, chị T1 trình bày là do anh Đ ăn chơi, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị T1 khi chị T1 sinh cháu Đ và còn dùng những lời nói xúc phạm chị T1. Trong thời gian ly thân chị T1 và anh Đ không quan tâm chăm sóc với nhau, không tự đoàn tụ được với nhau. Chị T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T1 và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 với anh Đ; cho chị T1 được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T1 là cháu Mai Ngô Phú Q, sinh ngày 07/3/2021 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi ly thân đến nay cháu Phú Q do chị T1 nuôi dưỡng; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Phú Q, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Mai Ngô Phú Q, sinh ngày 07/3/2021 cho chị T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T1 và anh Mai Tấn Đ.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Thu T1 với anh Mai Tấn Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Mai Ngô Phú Q, sinh ngày 07/3/2021 cho chị Ngô Thị Thu T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con cháu Mai Ngô Phú Q, sinh ngày 07/3/2021 mỗi tháng bằng 745.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực phát luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ngô Thị Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số No 0010786 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị T1 không phải nộp thêm.

Anh Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Thu T1 với anh Mai Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã xã H, huyện T, tỉnh V
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh